

【ベトナム語 / Tiếng Việt】

すいがい どしゃさいがい み まも 水害・土砂災害から身を守るためのアドバイス

Lời khuyên để bảo vệ bạn khỏi lũ lụt và lở đất

にほん まいとし おおあめ たいふう さいがい お
日本では、毎年、大雨や台風で 災害が起こります。

おおあめ つづ やま がけ くず かわ みず ふ あふ おお ひがい
大雨が続くと、山や崖が崩れたり、川の水が増えて 溢れたりして、大きな被害に なることがあります。

いのち まも ひ さいがい そな さいがい じ てきせつ こうどう と たいせつ
命を守るためには、日ごろから 災害に備え、災害時には 適切な行動を 取ることが 大切です。

Ở Nhật Bản, hằng năm đều xảy ra các đợt thiên tai do mưa lớn và bão.

Nếu mưa lớn kéo dài, núi hay vách đá có thể bị sạt lở, nước ở sông hồ có thể dâng lên và tràn bờ, gây ra các thiệt hại lớn. Để bảo vệ tính mạng, việc chuẩn bị sẵn sàng cho thiên tai từ lúc bình thường và thực hiện các hành động ứng phó phù hợp khi thiên tai xảy ra là điều hết sức quan trọng.

もくじ / MỤC LỤC

P2-4 【1】日頃から災害に備えよう

Hãy chuẩn bị sẵn sàng cho thiên tai từ lúc bình thường

- [P2] にほん おおあめ たいふう し
日本の大雨や台風について知ろう **Hãy tìm hiểu về mưa lớn và bão ở Nhật Bản**
- [P3] ひなんじょ ぼしよ しら
避難所の場所を調べておこう **Hãy tìm hiểu địa điểm các “Nơi lánh nạn”**
- [P3] かくにん
ハザードマップの確認をしよう **Hãy kiểm tra “Bản đồ cảnh báo thiên tai”**
- [P4] じぶん じゅうしょ おぼ
自分の住所を覚えておこう **Hãy ghi nhớ địa chỉ của mình**

P5-7 【2】災害の情報を入手しよう

Hãy nắm bắt những thông tin về thiên tai

- [P5] きしょうじょうほう かくにん
気象情報を確認しよう **Hãy kiểm tra thông tin khí tượng**
- [P6] だんかい ひなんじょうほう おぼ
5段階の避難情報を覚えよう **Hãy ghi nhớ 5 cấp độ cảnh báo**
- [P6] とうろく
SenTIA の Facebook、X、メールマガジンに登録しよう
Hãy đăng ký Facebook, X, và tạp chí điện tử qua email của SenTIA
- [P7] せんだいしさいがいいた げん ごしえん み
仙台市災害多言語支援センターのホームページを見よう
Hãy xem trang web của Trung tâm hỗ trợ đa ngôn ngữ về thiên tai của Thành phố Sendai
- [P7] さいがい じ べんり
災害時に便利なアプリと WEB サイト **Các ứng dụng và trang web hữu ích khi có thiên tai**

P8-12 【3】災害の危険がある時は、早めに行動しよう

Khi có nguy cơ xảy ra thiên tai, hãy nhanh chóng hành động

- [P8] ひなん とき き
避難する時に気をつけること **Những điều cần chú ý khi sơ tán**
- [P9] ひなん とき ひつよう
避難する時に、必要なもの【チェックリスト】 **Cần mang theo gì khi đi sơ tán (Danh sách kiểm tra)**
- [P11] すいがい どしゃさいがい つか にほんご
水害・土砂災害のときに、よく使われる日本語 **Tiếng Nhật hay gặp khi có thiên tai lũ lụt, sạt lở**

ひごろ さいがい そな

【1】日頃から災害に備えよう

Hãy chuẩn bị sẵn sàng cho thiên tai từ lúc bình thường

日本で、いつ、どのような災害があるのか、知っていますか。

自宅や学校、職場等の周りがある、水害・土砂災害が起りやすい場所を確認しておきましょう。

避難場所や、ハザードマップのことを調べておくことも大切です。

Bạn có biết khi nào và có những loại thiên tai nào xảy ra ở Nhật Bản không?

Hãy kiểm tra những nơi dễ xảy ra lũ lụt và sạt lở đất xung quanh nhà bạn, trường học, nơi làm việc, ...

Việc tìm hiểu các địa điểm sơ tán và “Bản đồ cảnh báo thiên tai” cũng rất quan trọng.



日本のおおめ たいふう について知ろう

Hãy tìm hiểu về mưa lớn và bão ở Nhật Bản

おおめ 大雨 Mưa lớn

急に天気が変わって、狭い範囲で激しい雨が降ることがあります。たくさん降って、洪水になることもあります。雷にも気をつけましょう。

Thời tiết thay đổi đột ngột, có thể xảy ra mưa rất lớn trên phạm vi hẹp. Lượng mưa nhiều và có thể gây ra lũ lụt. Hãy cẩn thận có sét đánh.

たいふう 台風 Bão

台風が上陸すると、暴風や大雨となります。強風で物が飛んできたり、木や電柱が倒れることもあります。外に出ないで、建物の中で安全に過ごしましょう。

Khi bão đổ bộ sẽ gây ra gió rất mạnh và mưa lớn. Gió mạnh có thể khiến các vật thể bay lên và làm đổ cây cối, cột điện. Không đi ra ngoài, hãy ở trong các tòa nhà để giữ an toàn.

ちゅうい ひつよう きせつ 注意が必要な季節 Các mùa cần chú ý

初夏(6月-7月): 梅雨の時期、雨がよく降ります。

夏(7月-8月): 突然雨が降ったり、雷が鳴ることがあります。

秋(9月-11月): 台風が接近・上陸したり、大雨になることがあります。

Đầu mùa hè (tháng 6-7): đây là mùa mưa nên thường xuyên có mưa.

Mùa hè (tháng 7-8): có thể có mưa hoặc sấm sét bất chợt.

Mùa thu (tháng 9-11): bão có thể đến gần hoặc đổ bộ, mưa lớn có thể xảy ra.



避難所の場所を調べておこう

Hãy tìm hiểu địa điểm các “Nơi lánh nạn”

あぶない場所に いる人は、避難する必要があります。

避難するための施設や 建物を、「避難所」といいます。

避難所にいくと、食べ物をもらえたり、夜寝ることができます。

災害がおきると、小学校や中学校などが、避難所になります。

自宅や学校、職場等の近くにある避難所を 調べておきましょう。



Người dân ở các khu vực nguy hiểm cần phải sơ tán. Các cơ sở và tòa nhà để lánh nạn được gọi là “Hinanzo” (Nơi lánh nạn). Khi bạn đến Nơi lánh nạn, bạn có thể được nhận đồ ăn và ngủ vào buổi đêm tại đó.

Khi xảy ra thiên tai, các trường tiểu học và trung học cơ sở, v.v. sẽ trở thành Nơi lánh nạn.

Hãy tìm hiểu về Nơi lánh nạn ở gần nhà, gần nơi làm việc hoặc gần trường học, v.v. của bạn.

仙台市のサイトから、市内の避難所のリストを 見ることができます。

Bạn có thể xem danh sách các Nơi lánh nạn trong thành phố từ website của thành phố Sendai.

>「避難所はどこ？」(日本語、英語)

>“Nơi lánh nạn ở đâu?” (Tiếng Nhật, tiếng Anh,)



<https://www.city.sendai.jp/anzensuishin/kurashi/anzen/saigaitaisaku/hinanzo/doko.html> (Tiếng Nhật)

<https://www.city.sendai.jp/koryu/foreignlanguage/en/refugearea/index.html> (Tiếng Anh)



ハザードマップの確認をしよう Hãy kiểm tra “Bản đồ cảnh báo nguy cơ thiên tai”

大雨や 台風の時は、土砂災害や 浸水がおきる 危険な場所があります。

自分の住んでいるところに どんな危険があるのか、ハザードマップで 確認しておきましょう。

Trong trường hợp mưa lớn hoặc bão, có những nơi có nguy cơ xảy ra sạt lở đất hoặc lũ lụt. Hãy kiểm tra bản đồ cảnh báo nguy cơ thiên tai để xem khu bạn đang sống có những nguy hiểm nào.

仙台市のサイトから、市内のハザードマップを 見ることができます。

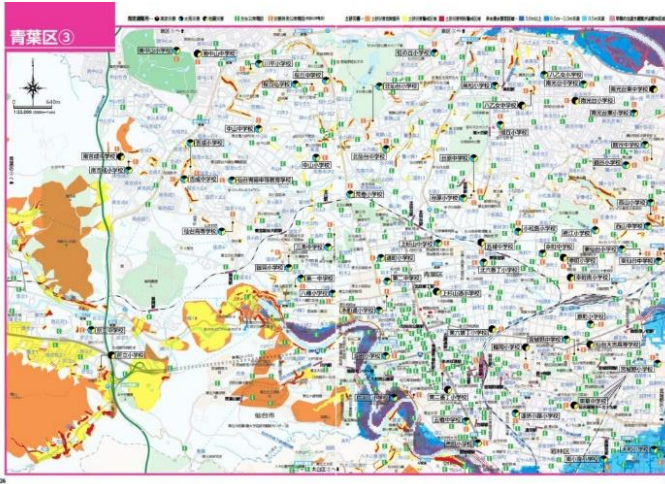
Bạn có thể xem Bản đồ cảnh báo nguy cơ thiên tai trong thành phố từ website của thành phố Sendai.

>「仙台防災ハザードマップ」(日本語のみ)

"Bản đồ cảnh báo và phòng chống thiên tai Sendai" (chỉ có tiếng Nhật)

<https://www.city.sendai.jp/anzensuishin/kurashi/anzen/saigaitaisaku/hazardmap.html>





じぶん じゅうしょ おぼ
自分の住所を覚えておこう **Hãy ghi nhớ địa chỉ của mình**

さいがいじょうほう ひなんじょうほう、く ちいき ちが じょうほう だ
災害情報や 避難情報は、区や地域ごとに 違う情報が出されます。

じぶん す ばしよ あんぜん きけん し じぶん じゅうしょ にほんご おぼ
自分の住んでいる場所が、安全か 危険か 知るために、自分の住所を 日本語で覚えておきましょう。

じぶん じゅうしょ にほんご い かける ようにしておくことが たいせつ
自分の住所を 日本語で言える、書けるようにしておくことが 大切です。

また、自分の住所が 仙台市の どの地域にあるのか

どこの山や 川に近いのか、調べておくと 良いでしょう。

Các thông tin về thiên tai và thông tin sơ tán được công bố riêng theo từng quận hoặc khu vực.

Hãy nhớ địa chỉ của bạn bằng tiếng Nhật để biết nơi cư trú của bạn an toàn hay nguy hiểm.

Việc có thể nói và viết địa chỉ của bạn bằng tiếng Nhật là rất quan trọng.

Ngoài ra, bạn cũng nên tìm hiểu trước xem nơi cư trú của mình

là nằm ở khu nào của thành phố Sendai, gần núi hoặc con sông nào.

Bạn đang sống ở đâu?

Vui lòng cho tôi biết địa chỉ của bạn.

あなたは どこに
すんでいますか？

じゅうしょ
住所を
おしえてください。



【2】災害の情報を入手しよう

Hãy nắm bắt những thông tin về thiên tai

大雨や台風で起きる災害は、天気予報や、住んでいる町の役所が出す情報から、
事前に情報を入手することも大切です。災害の情報は、難しい日本語が多く使われます。
日本語が苦手な人は、他の言語で情報を入手しましょう。

Đối với những thiên tai xảy ra do mưa lớn và bão, điều quan trọng là phải nắm bắt thông tin trước từ dự báo thời tiết hay thông tin do Ủy ban địa phương nơi bạn sống công bố.

Thông tin về thiên tai thường được viết bằng tiếng Nhật khó hiểu.

Nếu bạn không giỏi tiếng Nhật, hãy tìm hiểu các nguồn thông tin bằng tiếng nước ngoài.



気象情報を確認しよう Hãy kiểm tra thông tin khí tượng

災害に備えるために、毎日の天気予報や台風の情報を確認しましょう。

Để chuẩn bị sẵn sàng cho thiên tai, hãy kiểm tra dự báo thời tiết hàng ngày và thông tin về bão.



気象庁のページは、15言語で見ることができます。

天気予報、雨雲の動き、洪水、土砂災害の情報などを見ることができます。

大雨や台風が予想される日は、なるべく出かけないようにしたり、川や山の近くに行かないようにしましょう。

Có thể xem thông tin bằng 15 ngôn ngữ trên trang web Cơ quan khí tượng.

Bạn có thể xem thông tin về dự báo thời tiết, chuyển động của đám mây tạo mưa, lũ lụt, sạt lở đất, v.v.

Vào những ngày được dự báo có mưa to và bão, hãy cố gắng

không đi ra ngoài, không đến gần sông, núi, v.v.

>気象庁のホームページ(15言語)

>Trang web của Cơ quan Khí tượng (15 ngôn ngữ)

<https://www.jma.go.jp/jma/kokusai/multi.html>



5段階の避難情報を覚えよう Hãy ghi nhớ 5 cấp độ cảnh báo sơ tán

危険な場所に いる人は、避難する必要があります。

避難の情報は、気象庁や仙台市が、5段階の警戒レベルで 知らせます。

情報は、テレビやインターネット、携帯電話へのメールで 確認しましょう。

警戒レベルと、その意味を 覚えておきましょう。



Người dân ở các khu vực nguy hiểm cần phải sơ tán.

Thông tin về sơ tán sẽ được Cơ quan Khí tượng và Thành phố Sendai công bố bằng 5 cấp độ cảnh báo.

Hãy kiểm tra thông tin trên TV, Internet hoặc email gửi đến điện thoại di động của bạn.

Hãy ghi nhớ mức độ cảnh báo và ý nghĩa của nó.

Thông tin lánh nạn 5 cấp độ được đưa ra khi có mưa lớn

Cảnh báo cấp độ 1 và 2 sẽ được Cơ quan Khí tượng công bố, tại thành phố cảnh báo cấp độ 3~5 sẽ được thông báo cùng với thông tin sơ tán. Hãy cùng thực hiện hành động lánh nạn thích hợp với cấp độ cảnh báo!



Cảnh báo cấp độ 1
警戒レベル1

Hãy tra cứu thông tin thời tiết hiện tại.

Cảnh báo cấp độ 2
警戒レベル2

Hãy xác định đường đi và địa điểm lánh nạn.

Cảnh báo cấp độ 3
警戒レベル3

Sơ tán cho người cao tuổi
(高齢者等避難)

Người cao tuổi và người khuyết tật hãy đi lánh nạn ngay. Những người khác hãy chuẩn bị lánh nạn.

Cảnh báo cấp độ 4
[Tất cả sơ tán]
警戒レベル4
[全員避難]

Chỉ thị lánh nạn
(避難指示)

Có thiên tai nên rất nguy hiểm, hãy đi lánh nạn ngay lập tức.

Cảnh báo cấp độ 5
警戒レベル5

Khẩn cấp bảo đảm an toàn
(緊急安全確保)

Thiên tai đang xảy ra. Hãy thực hiện các hành động bảo vệ tính mạng.

Tình khẩn cấp tăng dần từ Cấp độ 1 đến 5

SenTIA の Facebook、X、メールマガジンに登録しよう

Hãy đăng ký Facebook, X, và tạp chí điện tử qua email của SenTIA

SenTIA の Facebook、X、メールマガジンに登録すると、災害の情報を日本語以外の言語で入手できます。

Khi đăng ký Facebook, X và tạp chí điện tử qua email của SenTIA, bạn có thể nắm bắt thông tin về thiên tai bằng tiếng nước ngoài.

Facebook



X



メールマガジン Tạp chí điện tử qua email



仙台市災害多言語支援センターのホームページを見よう

Hãy truy cập vào trang web của Trung tâm Hỗ trợ Đa ngôn ngữ khi thiên tai Thành phố Sendai

仙台市は、大きな災害が発生すると、災害多言語支援センターを設置します。

災害多言語支援センターでは、外国人被災者に必要な情報を外国語でお知らせし、外国語での相談に対応します。

(公財) 仙台観光国際協会 (SenTIA) が運営します。

また、災害多言語支援センターのホームページでは、災害の情報を多言語で発信します。

Thành phố Sendai sẽ thành lập một Trung tâm hỗ trợ đa ngôn ngữ về thiên tai trong trường hợp xảy ra thiên tai lớn.

Trung tâm hỗ trợ đa ngôn ngữ về thiên tai sẽ thông báo cho người nước ngoài những thông tin cần thiết bằng tiếng nước ngoài và tư vấn bằng tiếng nước ngoài.

Hiệp hội Du lịch Quốc tế Sendai (SenTIA) vận hành trung tâm này. Ngoài ra, trang web của Trung tâm hỗ trợ đa ngôn ngữ về thiên tai cung cấp thông tin về thiên tai bằng nhiều ngôn ngữ.

場所: 仙台多文化共生センター (SenCUL)

Địa điểm: Trung tâm Đa văn hóa Sendai (SenCUL)

TEL : 022-224-1919、022-265-2471

<https://int.senia-sendai.jp/saigai/>



災害時に便利なアプリとWEB サイト

Các ứng dụng và trang web hữu ích khi có thiên tai

スマートフォンにいらておくと、便利なアプリがあります。

Có những ứng dụng hữu ích, nên cài đặt sẵn trong điện thoại smart phone.

> 内閣府防災「災害時に便利なアプリとWeb サイト」(多言語)

> Phòng chống Thiên tai của Văn phòng Nội các

"Các ứng dụng và trang web hữu ích khi có thiên tai" (đa ngôn ngữ)

<https://www.bousai.go.jp/kokusai/web/index.html>



【3】災害の危険がある時は、早めに行動しよう

Khi có nguy cơ xảy ra thiên tai, hãy nhanh chóng hành động

すいかい どしやさいかい じかん けいか じたい しんこくか いのち まも はや ひなん
水害や土砂災害は、時間の経過とともに事態が深刻化することがあります。命を守るために、早めに避難をすること
たいせつ
が大切です。

Lũ lụt và lở đất có thể trở nên nghiêm trọng hơn theo thời gian. Điều quan trọng là phải nhanh chóng sơ tán để bảo vệ tính mạng của bạn.

避難する時に気をつけること Những điều cần chú ý khi sơ tán

うご 動きやすい服装で、2人以上で 行動しましょう。

Mặc quần áo dễ hoạt động và sơ tán từ hai người trở lên.

こうずい きけん がある場所は避けて、安全な道を 通しましょう。

Tránh các khu vực có nguy cơ ngập lụt và đi theo con đường an toàn.

かわ みず が いっぱいになることが あります。やま が 崩れることが あります。

Nước sông có thể dâng tràn. Núi có thể sạt lở.

かわ うみ やま ちか に いるときは、すぐに 逃げて ください。みに行ったり、近くに 行かないでください。

Nếu bạn đang ở gần sông, biển hoặc núi, hãy sơ tán ngay lập tức. Không đi xem hoặc đến gần những khu vực đó.

みち いえ なか みず が 来ることが あります。

Nước có thể tràn ra đường hoặc vào trong nhà.

マンホールや すいろ から、水が あふれることが あります。

Nước có thể tràn ra từ các hố ga và đường nước.

でんしゃ や バスが とまることが あります。

Tàu điện và xe buýt có thể dừng hoạt động.

でんき や すいどう が とまることが あります。事前に ヘッドライトや、食料を 用意することが 必要です。

Điện và nước có thể bị cắt. Cần chuẩn bị trước đèn pin và thức ăn, v.v.

あか 明るくて 安全なうちに 逃げましょう。

Hãy sơ tán khi trời còn sáng và an toàn.

避難する時に、必要なもの【チェックリスト】

Cần mang theo gì khi đi sơ tán (Danh sách kiểm tra)

避難する時に、すぐに持ち出しができるように、日ごろから準備しておきましょう。

Hãy luôn chuẩn bị sẵn sàng ngay cả trong những ngày bình thường để bạn có thể mang đi ngay lập tức khi bạn đi sơ tán.

・リュックサック ☐

Ba lô



・現金(硬貨を多めにする) ☐

Tiền mặt (Nên mang nhiều tiền xu)



・資格確認書 または マイナ保険証、☐

パスポート、在留カード

Giấy xác nhận tư cách BH hoặc Thẻ BH tích hợp trong thẻ My number, Hộ chiếu, Thẻ lưu trú



・救急セット、常備薬、お薬手帳 ☐

Túi cấp cứu, thuốc uống hàng ngày, sổ ghi chép thuốc



・水 ☐

Nước



・食べ物(缶詰、お菓子、バランス栄養食品など) ☐

Đồ ăn (Đồ hộp, bánh kẹo, thực phẩm dinh dưỡng, v.v.)



・携帯ラジオ ☐

Radio di động



・懐中電灯 ☐

Đèn pin



・予備電池 ☐

Pin dự phòng



・携帯電話、充電器、バッテリー ☐

Điện thoại di động, sạc, ắc quy



・ティッシュ、ウェットティッシュ ☐

Khăn giấy, khăn ướt



・ビニール袋、ポリ袋 ☐

Túi ni-lông, túi nhựa



・タオル、下着、靴下 ☐

Khăn, đồ lót, tất (vớ)



・防寒具、雨具（傘、レインコート）、携帯カイロ ☐

Đồ giữ ấm, đồ che mưa (ô, áo mưa), miếng dán giữ nhiệt cairo



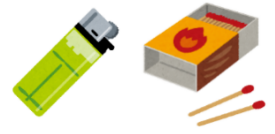
・手袋、軍手 ☐

Găng tay, găng tay làm việc



・ライター、マッチ ☐

Bật lửa, diêm



・洗面用具、歯ブラシ ☐

Đồ vệ sinh mặt, bàn chải đánh răng



・衛生用品 ☐

(マスク、体温計、手洗い用石鹸等)

Đồ dùng giữ vệ sinh

(khẩu trang, nhiệt kế, xà phòng rửa tay, v.v...)



・入れ歯、コンタクトレンズ、めがね ☐

Răng giả, kính áp tròng, mắt



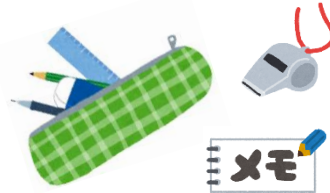
・多目的ナイフ ☐

Dao đa năng



・筆記用具・メモ帳・笛 ☐

Đồ để viết, sổ ghi chép, còi



・家族や友達の連絡先のメモ ☐

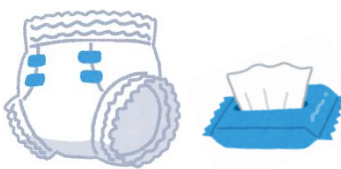
Ghi chú về liên hệ gia đình và bạn bè



にゅうようじ かいごしゃ ばあい
乳幼児、介護者がいる場合 Khi có trẻ sơ sinh và người chăm sóc

・おむつ、おしりふき ☐

Tã, giấy lau ướt



・乳児用ミルク、ほ乳瓶、離乳食 ☐

Sữa cho trẻ sơ sinh, bình sữa trẻ em, đồ ăn dặm



・生理用品 ☐

Đồ dùng vệ sinh phụ nữ



・母子健康手帳 ☐

Sổ tay sức khỏe mẹ và bé



・障害者手帳 ☐

Giấy chứng nhận khuyết tật



・介護用品 ☐

Vật dụng chăm sóc khác



すいがい どしやさいがい つか にほんご
水害・土砂災害のときに、よく使われる日本語

Tiếng Nhật thường được sử dụng khi có thiên tai lũ lụt, sạt lở

すいがい 水害	みず こま け が 水で 困ること/ 怪我をすること/ 壊れること	Thiên tai về lũ lụt
どしやさいがい 土砂災害	やま いし すな お 山から 石や 砂が 落ちてくること	Thiên tai về sạt lở đất
おおあめ ごうう 大雨・豪雨	つよ あめ 強い 雨	Mưa lớn
おおゆき ごうせつ 大雪・豪雪	つよ ゆき 強い 雪	Tuyết lớn
うりょう こうすいりょう 雨量、降水量	あめ ふ りょう 雨が 降ってくる 量	Lượng mưa, lượng nước mưa
すい 水位	みず たか 水の 高さ	Mực nước
こうずい 洪水	みず が たくさん そと な が 水が たくさん 外に 流れること	Lũ lụt
ぞうすい 増水	みず が たくさん ふ 水が たくさん 増えること	Nước tăng lên
かせんはんらん 河川氾濫	かわ みず が たくさん な が 川の 水が たくさん 流れること	Nạn tràn nước ở sông hồ
しんすい 浸水	みず たてもん どうろ はい 水が 建物や道路に 入ってくること	Bị ngập nước
ていぼう 堤防	みず はい 水が 入らないようにする 壁	Kè, đê ngăn nước
けっかい 決壊	こわ 壊れる	Phá vỡ
どうろ 道路	みち 道	Đường xá
かおく 家屋	す 住む ところ/ いえ 家	Nhà ở
じたく 自宅	じぶん いえ 自分の 家	Nhà của mình
かんすい 冠水	みず みち 水が 道に たくさんあること	Ngập lụt
きしょうじょうほう 気象情報	は あめ ゆき など てんき (晴れ、雨、雪など) 天気についての しらせ	Thông tin khí tượng
きけん ど 危険度	あぶ 危なさ	Độ nguy hiểm

ちゅうい 注意	き 気をつけること	Chú ý
けいかい 警戒	あらかじ き 予 め 気をつけること	Cảnh báo
はっぴょう 発表	し 知らせること	Thông báo
はつれい 発令	き 決まったことを はっぴょう 発表すること	Ban bố lệnh
おおあめとくべつけいほう 大雨特別警報	つよ あめ とくべつ ちゅうい 強い 雨のとき 特別に注意すること	Cảnh báo đặc biệt về mưa lớn
ひなん 避難	に 逃げること	Lánh nạn
ひなんじょうほう 避難情報	に 逃げるための し 知らせ	Thông tin lánh nạn
ひなん し じ 避難指示	に 逃げるための ちゅうい 注意	Chỉ thị lánh nạn
ひなんけいろ 避難経路	に 逃げるために とお みち 通る 道	Lộ trình lánh nạn
ひなんばしょ 避難場所	みんなが に 逃げる ところ	Địa điểm lánh nạn
していひなんじょ 指定避難所	さいがい とき 災害の時に しばらくの間 居ることが でき るところ	Nơi lánh nạn chỉ định
うんきゅう 運休	でんしゃ 電車や バスを つか 使うことが できないこと	Ngừng hoạt động
かくにん 確認	たし 確かめること	Xác nhận, kiểm tra
わりよう 無料	かね お金は いりません	Miễn phí
ひさい 被災	さいがい 災害にあうこと	Thiệt hại do thiên tai

